

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 34/2024/DS - ST
Ngày: 29 - 3 - 2024
V/v Tranh chấp hợp đồng dịch
vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thông.

2. Ông Lê Xuân Hiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D, tỉnh B tham gia phiên tòa:
Bà Đinh Thị Yên - Kiểm sát viên.

Vào ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 496/2023/TLST-DS ngày 06 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 02 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2024/QĐST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phan Văn C, sinh năm 1979; địa chỉ: Ấp B, xã A, huyện D, tỉnh B.

- *Bị đơn:* Ông Trần Văn H, sinh năm 1990; địa chỉ: Số nhà 18/01, ấp H, xã Đ, huyện D, tỉnh B.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Văn phòng Công chứng Vương Huỳnh Ng, tỉnh B. Địa chỉ: Thửa đất số 490, đường Trần Phú, khu phố 4B, thị trấn D, huyện D, tỉnh B - Đại diện hợp pháp: Ông Trịnh Thanh Đ – Trưởng Văn phòng.

Nguyên đơn (ông C) có mặt tại phiên tòa. Bị đơn (ông H), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Văn phòng Công chứng Trịnh Thanh Đ) có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa, nguyên đơn (ông C) trình bày:

Giữa ông C và ông H có mối quan hệ quen biết, ông C biết ông H là người chuyên làm giấy tờ nhà đất, do có nhu cầu tách thửa đất nên ông C có nhờ ông H đi làm giấy tờ tách thửa đất giùm ông C. Vì vậy, ngày 24/3/2022 ông C có đưa cho ông H số tiền 10.000.000 đồng và đưa bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để ông H làm, việc đưa tiền 10.000.000 đồng hai bên có làm giấy giao nhận, ông H ký tên xác nhận. Đến ngày 25/03/2022 ông C và ông H đến Văn phòng công chứng Vương Huỳnh Ng ký hợp đồng ủy quyền, tại đây ông C đưa thêm 2.000.000 đồng cho ông H nhưng không làm giấy giao nhận tiền. Tổng hai lần ông C đưa cho ông H là 12.000.000 đồng. Ông H hứa trong vòng 70 ngày sẽ làm xong thủ tục nhưng đến ngày hẹn ông H không làm được cho ông C, ông C hỏi thì ông H chỉ trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mà không trả lại tiền, ông H không trả tiền còn nói ngang ngược. Vì vậy, ông C khởi kiện yêu cầu ông H trả lại số tiền 12.000.000 đồng đã nhận.

Ngày 31/12/2023, ông Cảnh khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy giấy ủy quyền ký kết giữa ông Phan Văn C và ông Trần Văn H được Văn phòng Công chứng Vương Huỳnh Ng, tỉnh B công chứng số 03057, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/3/2022. Ngoài ra, ông C không có ý kiến nào khác.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 27/3/2024 và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn (ông H) trình bày:

Ông H và ông C có mối quan hệ quen biết, giữa ông H và ông C có ký kết hợp đồng ủy quyền được Văn phòng Công chứng Vương Huỳnh Ng, tỉnh B công chứng số 03057, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/3/2022 để ông C ủy quyền cho ông H làm thủ tục giấy tờ nhà đất, làm thủ tục lên đất thổ cư với tiền thù lao là 12.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng thì ông H đã thực hiện được một phần và đã lấy một phần tiền trong số tiền 12.000.000 đồng để chi xài làm thủ tục đo đạc, ông H đang tiếp tục thực hiện thì ông C rút yêu cầu và kiện ông H. Ông H đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của ông C nhưng do hiện nay ông H có nhiều khoản phải chi xài, làm từ thiện và nhiều việc khác nên chưa có tiền trả cho ông C, ông H sẽ thỏa thuận với ông C sau. Ngoài ra, ông H không có ý kiến gì khác.

Theo văn bản ngày 03/11/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Văn phòng Công chứng Vương Huỳnh Ng nay là Văn phòng công chứng Trịnh Thanh Đ) trình bày:

Về trình tự, thủ tục công chứng hợp đồng ủy quyền thì Văn phòng công chứng đã áp dụng đúng các quy định của pháp luật tại thời điểm công chứng, không có ý kiến nào khác, đề nghị giải quyết vắng mặt ở Tòa án các cấp.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền thụ lý vụ án; Điều 68 về xác định tư cách tham gia tố tụng; các Điều 93 đến 97 về việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ; Điều 195, 196 về trình tự thụ lý và giao thông báo thụ lý; Điều 203 về thời hạn xét xử. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Các đương sự đã chấp hành đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét, nhận thấy: Theo giấy nhận tiền ngày 24/3/2022, giấy ủy quyền ngày 25/3/2022 thì ông C đã giao cho ông H 10.000.000 đồng để ông H thực hiện các công việc liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để tách thửa... đăng ký biến động quyền sử dụng đất... Tuy nhiên, đến nay ông H vẫn chưa thực hiện nên nguyên đơn khởi kiện. Như vậy giữa nguyên đơn và bị đơn tồn tại hợp đồng dịch vụ, việc ông H không thực hiện đúng các công việc được ủy quyền như thỏa thuận đã vi phạm về nghĩa vụ của bên cung ứng dịch vụ nên yêu cầu của nguyên đơn có cơ sở chấp nhận toàn bộ. Căn cứ vào các chứng cứ của đương sự cung cấp, Tòa án thu thập và quy định của pháp luật tại Điều 513, 517 Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Các đương sự tranh chấp hợp đồng dịch vụ về việc thực hiện các công việc liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để tách thửa... đăng ký biến động quyền sử dụng đất với số tiền 12.000.000 đồng, theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự thì quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn hiện nay cư trú tại xã Đ, huyện D, tỉnh B, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh B.

Bị đơn (ông H), người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Văn phòng Công chứng Vương Huỳnh Ng nay là Văn phòng công chứng Trịnh Thanh Đ) có văn bản yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự trên là đúng quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

Ngày 24/3/2022 ông C có đưa cho ông H số tiền 10.000.000 đồng và đưa bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để ông H làm, việc đưa tiền 10.000.000 đồng hai bên có làm giấy giao nhận, ông H ký tên xác nhận. Đến ngày 25/03/2022, giữa ông H và ông C có ký kết hợp đồng ủy quyền được Văn phòng Công chứng Vương Huỳnh Ng, tỉnh B công chứng số 03057, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/3/2022, tại đây ông C đưa thêm 2.000.000 đồng cho ông H nhưng không làm giấy giao nhận tiền. Tổng hai lần ông Cảnh đưa cho ông H là 12.000.000 đồng. Ông H hứa trong vòng 70 ngày sẽ làm xong thủ tục nhưng đến ngày hẹn ông H không làm được cho ông C, ông C hỏi thì ông H chỉ trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mà không trả lại tiền, ông H không trả tiền còn nói ngang ngược. Vì vậy, ông C khởi kiện yêu cầu ông H trả lại số tiền 12.000.000 đồng đã nhận.

Ngày 31/12/2023, ông C khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy giấy ủy quyền ký kết giữa ông Phan Văn C và ông Trần Văn H được Văn phòng Công chứng Vương Huỳnh Ng, tỉnh B công chứng số 03057, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/3/2022.

Bị đơn ông H đồng ý với các yêu cầu của nguyên đơn ông C nhưng chưa có tiền trả liền do hiện nay ông Hậu có nhiều khoản phải chi xài, làm từ thiện và nhiều việc khác nên chưa có tiền trả cho ông C, ông H sẽ thỏa thuận với ông C sau.

[3] Xét các yêu cầu của nguyên đơn:

Xét thấy, hợp đồng ủy quyền ký kết giữa ông H và ông C được Văn phòng Công chứng Vương Huỳnh Ng, tỉnh B công chứng số 03057, quyển số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/3/2022 do nguyên đơn cung cấp có nội dung: Ông C ủy quyền cho ông H liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để xóa thế chấp, xin giấy phép xây dựng, xin cấp lại trang bổ sung, xin chuyển mục đích sử dụng đất, định vị vị trí thổ cư, chuyển mục đích sử dụng đất, tách thửa, hợp thửa, đăng ký biến động quyền sử dụng đất.... Thời hạn ủy quyền kể từ thời điểm giấy ủy quyền này được chứng nhận đến khi thực hiện xong công việc nêu trên. Như vậy, giữa các bên đương sự đã thực hiện giao dịch dịch vụ theo quy định tại Điều 513 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ông C đã giao cho ông H giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trả tiền dịch vụ cho ông H số tiền là 12.000.000 đồng và được ông Hậu thừa nhận, ông C đã thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định tại Điều 515, 519 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Quá trình thực hiện hợp đồng, do ông H hứa trong vòng 70 ngày sẽ làm xong thủ tục nhưng đến ngày hẹn ông H không làm được cho ông Cảnh, ông C hỏi thì ông H chỉ trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, mà không trả lại tiền là vi phạm quy định tại Điều 517 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên ông C có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng dịch vụ theo quy định tại Điều 520 Bộ luật Dân sự năm 2015. Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/3/2024, ông H đồng ý với các yêu cầu của ông C, sự thừa nhận của ông Hậu là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Khoản 2, 3 Điều 92 Bộ luật Tố Tụng dân sự. Do vậy, ông C yêu cầu hủy giấy ủy quyền ký kết giữa ông Phan Văn C và ông Trần Văn H được Văn phòng Công chứng Vương Huỳnh Ng, tỉnh B công chứng số 03057, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/3/2022 và yêu cầu ông H trả lại số tiền 12.000.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông H phải chịu 300.000 đồng án phí đối với yêu cầu tuyên hủy hợp đồng ủy quyền của ông C được chấp nhận và phải chịu án phí đối với số tiền 12.000.000 đồng phải thanh toán cho ông C.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, 42, 147, 177, 227, 228, 229, 235, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Các Điều 513, 514, 515, 517, 519, 520 Bộ luật Dân sự 2015;
- Các Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” của nguyên đơn ông Phan Văn C với bị đơn ông Trần Văn H.

1. Tuyên hủy giấy ủy quyền ký kết giữa ông Phan Văn C và ông Trần Văn H được Văn phòng Công chứng Vương Huỳnh Ng, tỉnh B công chứng số 03057, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 25/3/2022.

2. Buộc ông Trần Văn H có trách nhiệm trả lại cho ông Phan Văn C số tiền 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải

thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Hoàn trả cho ông Phan Văn C 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0009415 ngày 27 tháng 9 năm 2023 và 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0009596 ngày 01 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D.

- Ông Trần Văn H phải nộp 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng).

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 29/3/2024).

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện D
- CC THADS huyện D;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoàng